

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T2
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2020/HS-ST
Ngày 24-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T2 - TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tố Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Ngọc Phương

Ông Nguyễn Văn Trai

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Tín là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T2, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T2, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã T2, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Long N, sinh năm 2000 tại tỉnh K; hộ khẩu thường trú: Ấp Kinh 10A, xã T, huyện T1, tỉnh K; tạm trú: Khu phố B1, phường B2, thị xã T2, tỉnh B; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tấn B3, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2019, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1975; địa chỉ: 39/2 khu phố Đồng An 3, phường B2, thị xã T2, tỉnh B, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Tấn B3, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp Kinh 10A, xã T, huyện T1, tỉnh K, có mặt.

- Người chứng kiến: Ông Phạm Huy K1, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 50 phút ngày 29/10/2019, Lê Long N điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 68T1 – 140.83 đến tiệm trái cây của bà Nguyễn Thị N1 để mua trái cây. Trong lúc đang lựa trái cây, N phát hiện có một cái túi bên trong có số tiền 12.600.000 đồng ở trong thùng nhựa nằm ngay cửa ra vào của ki ốt nên nảy

sinh ý định chiếm đoạt túi tiền. Để thực hiện hành vi, lợi dụng lúc bà Nhung ra ngoài quét rác, N đứng gần cái thùng, rồi dùng tay trái lấy trộm cái túi giấu vào sau lưng quần và phủ cái áo đang mặc ra ngoài rồi ngồi chờ tính tiền mua trái cây. Khi bà Nhung quay vào thì phát hiện mất cái túi nên bà Nhung giữ N lại. Lúc này có lực lượng công an phường B2, thị xã T2 đi tuần phát hiện sự việc nên lập biên bản và đưa N về trụ sở Công an để làm việc. Quá trình điều tra, Lê Long N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 cái túi dù màu đỏ đã cũ bên trong có số tiền 12.600.000 đồng và 01 xe mô tô hiệu Wave biển số 68T1 – 140.83.

Tại Biên bản định giá tài sản và kết luận định giá tài sản ngày 30/10/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã T2 kết luận: 01 cái túi nhỏ bằng vải dù màu đỏ đã cũ có giá trị thực tế là 40.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 45/CT-VKS-TA ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T2, tỉnh B truy tố bị cáo Lê Long N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ quan điểm truy tố và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm h, i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Lê Long N mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Bị cáo Lê Long N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thống nhất tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng, không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Hội đồng xét xử cho bị cáo gửi lời xin lỗi đến bị hại. Thời gian tạm giam bị cáo ân hận và cảm thấy xấu hổ về hành vi bị cáo thực hiện, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo được sớm trở về với gia đình và làm người tốt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tấn B3 trình bày: Ông B3 là chủ sở hữu đối với xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 68T1 – 140.83. Do N đi làm không có xe nên ông B3 cho bị cáo N mượn làm phương tiện đi lại. Hiện ông B3 đã nhận lại được xe và không yêu cầu gì trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T2, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T2, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Long N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các tình tiết như bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội và tài sản đã chiếm đoạt. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

Khoảng 22 giờ 50 phút ngày 29/10/2019, tại địa chỉ 39/2 khu phố Đồng An 3, phường B2, thị xã T2, tỉnh B, bị cáo Lê Long N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thị N1 01 túi đựng tiền bên trong có chứa số tiền 12.600.000 đồng, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 12.640.000 đồng. Hành vi trên của bị cáo Lê Long N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, cáo trạng truy tố bị cáo Lê Long N với tội danh và khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại được pháp luật B3 vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì tham lam, tư lợi, bị cáo vẫn thực hiện. Do đó, xét thấy cần phải có mức án tương xứng với hành vi phạm tội để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Tuy vậy, khi quyết định hình phạt cần xem xét đầy đủ về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xem xét cho bị cáo mức án tương xứng với hậu quả hành vi của bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bản thân bị cáo tại phiên tòa đã thể hiện thái độ ăn năn, hối cải, mong muốn được sửa đổi bản thân; bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại do tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính bộc phát nhất thời. Bên cạnh đó, bị hại tha thiết xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án nhẹ nhất, tạo điều kiện cho bị cáo sớm có cơ hội tái hòa nhập cộng đồng.

Xét, bị cáo N có nơi cư trú rõ ràng, có việc làm ổn định. Thời gian tạm giam từ ngày 29/10/2019 đến nay cũng đủ để bị cáo nhìn nhận lại hành vi của mình; việc cho bị cáo được tại ngoại không ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn tại địa phương nên xét thấy không cần phải tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để giáo dục, răn đe đối với bị cáo nhưng vẫn thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước.

Do bị cáo N đang bị tạm giam nên Hội đồng xét xử sẽ tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.

[4] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tấn B3: Ông B3 là chủ sở hữu đối với xe mô tô hiệu Wave biển số 68T1 – 140.83. Ông B3 cho bị cáo N mượn xe làm phương tiện đi lại và không biết việc bị cáo sử dụng xe khi

thực hiện hành vi phạm tội nên cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã T2 trả lại xe cho ông B3 là có cơ sở.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 12.600.000 đồng cùng túi đựng tiền đã trả lại cho bị hại Nguyễn Thị N1; đối với xe mô tô hiệu Wave biển số 68T1 – 140.83 đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Tấn B3 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị N1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị mức hình phạt từ 09 đến 12 tháng tù là chưa xem xét toàn diện tính chất hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử sẽ điều chỉnh để áp dụng hình phạt đối với bị cáo đúng pháp luật nhưng vẫn đảm bảo tính khoan hồng của Nhà nước.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Lê Long N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1, Điều 173; điểm h, i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Điều 136, 260, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lê Long N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Long N 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Long N cho Ủy ban nhân dân phường B2, thị xã T2, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân phường B2, thị xã T2, tỉnh B phải thông báo cho Cơ quan thi hành án hình sự thị xã T2, tỉnh B để tiến hành thủ tục theo quy định tại Khoản 3, Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 3 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lê Long N nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm nào khác.

2. Về án phí: Bị cáo Lê Long N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bị hại nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Phòng PV 27 CA tỉnh B;
- VKSND thị xã T2;
- Công an thị xã T2;
- Chi cục THADS thị xã T2;
- Công an xã T, huyện T1, tỉnh K;
- Công an phường B2, thị xã T2, tỉnh B;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HS, THAHS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tố Uyên

